

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ BƯU ĐIỆN KIÊN GIANG

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này là cơ sở pháp lý của CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ BƯU ĐIỆN KIÊN GIANG thành lập theo Luật Doanh nghiệp năm 2005, được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 02/02/2007, và sửa đổi bổ sung tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông ngày 06/04/2013 và ngày 22/4/2016.

CHƯƠNG I

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1: Định nghĩa.

Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ này được tham chiếu theo như mẫu điều lệ áp dụng dành cho các Công ty ban hành kèm theo công văn số 81/ĐMDN ngày 19 tháng 11 năm 2002.

1. Trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này qui định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có ý nghĩa như được quy định dưới đây:

a) “**Hội đồng**” là Hội đồng quản trị của Công ty.

b) “**Vốn điều lệ**” là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.

c) “**Luật Doanh nghiệp**” là *Luật Doanh nghiệp* được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.

d) “**Ngày thành lập**” là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh.

e) “**Pháp luật**” là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Điều 1 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ban hành ngày 12/11/1996.

f) “**Cán bộ quản lý**” là *các thành viên Hội đồng quản trị*, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ khác được Hội đồng quản trị chỉ định làm Cán bộ quản lý của Công ty.

g) “**Người có liên quan**” là tổ chức, cá nhân được quy định tại mục 17, điều 4 của *Luật Doanh nghiệp năm 2014*.

h) “**Cổ đông**” mọi pháp nhân hay thể nhân được ghi tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty là người sở hữu cổ phiếu.

i) “**Công ty**” là CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ BƯU ĐIỆN KIÊN GIANG.

j) “**Việt Nam**” là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.

3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong *Luật Doanh nghiệp* (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG, MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

2.1. Tên Công ty:

Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ BƯU ĐIỆN KIÊN GIANG**

Tên tiếng Anh: **KIENGIANG POST TELECOMS ASSEMBLAGE AND SERVICES JOINT STOCK COMPANY**

Tên viết tắt: **KAS**

2.2. Hình thức Công ty: là Công ty Cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật Việt Nam.

2.3 Trụ sở chính:

- Lô F13 - 50-51-52 đường 3/2 - phường Vĩnh Lạc - Thành phố Rạch Giá - tỉnh Kiên Giang.

- Điện thoại: 077-866558; Fax: 077-860654.

2.4 Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

2.5 Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo điều 54 và 55 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn bắt đầu từ ngày thành lập.

Điều 3: Mục tiêu của Công ty.

3.1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh những ngành nghề mà pháp luật không cấm, mang lại lợi ích cho công ty.

a. Xây dựng các công trình: công trình dân dụng; công trình kỹ thuật; xây dựng kết cấu công trình; dọn dẹp, tạo mặt bằng xây dựng;

b. Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng: lắp đặt điện trong nhà, lắp đặt hệ thống bơm, ống nước, điều hòa không khí;

c. Hoàn thiện công trình: trang trí ngoại thất, trang trí nội thất;

d. Lắp đặt, sửa chữa và bảo dưỡng các thiết bị viễn thông, tin học và các thiết bị công nghiệp, dân dụng khác;

e. Dịch vụ thiết kế kết cấu, thiết kế các hệ thống kỹ thuật liên quan đến công trình;

- f. Dịch vụ tư vấn thiết kế công trình; dịch vụ hỗ trợ xây dựng;
- g. Sản xuất vật tư, thiết bị liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;
- h. Đầu tư trong các lĩnh vực tài chính, sản xuất, bất động sản, nhà ở, hạ tầng kỹ thuật ngành bưu chính, viễn thông và các lĩnh vực đầu tư khác mà pháp luật cho phép.
- i. Kinh doanh trong các lĩnh vực:
 - Kinh doanh nội địa và xuất nhập khẩu thiết bị máy móc, vật tư, vật liệu, và phụ kiện bưu chính, viễn thông, tin học, điện, điện tử;
 - Kinh doanh đại lý khai thác dịch vụ bưu chính, viễn thông;
 - Kinh doanh các dịch vụ du lịch, khách sạn, nhà hàng;
 - Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa.

3.2 Mục tiêu:

- a. Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh về lĩnh vực tư vấn, xây lắp và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa.
- b. Tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông.
- c. Đóng góp cho ngân sách nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động

Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo qui định của giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật, thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt mục tiêu của Công ty.

Công ty có thể tiến hành những hình thức kinh doanh khác được pháp luật cho phép mà Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất cho Công ty.

CHƯƠNG III VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5: Vốn điều lệ.

5.1. Vốn điều lệ:

5.1.1 Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là: 5.000.000.000đ (Năm tỷ đồng Việt Nam)

- Vốn điều lệ được các cổ đông góp vốn bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ hoặc bằng hiện vật và được hạch toán theo một đơn vị thống nhất là Việt Nam đồng (VNĐ).

- Cơ cấu phân vốn theo sở hữu:

STT	CỔ ĐÔNG	TỶ LỆ GÓP VỐN (%)	TRỊ GIÁ (TỶ ĐỒNG)
1	Tập đoàn Bưu Chính Viễn Thông VN	40%	2,0
2	Công đoàn Bưu Điện tỉnh Kiên Giang	14%	0,7
3	Cổ phần của CB.CNV trong Công ty và trong ngành Bưu Điện	20%	1,0
4	Công ty CP đầu Tư & Xây Dựng Viễn Thông Cần Thơ	10%	0,5
5	Công ty CP Vật Tư Bưu Điện	10%	0,5
6	Công ty CP đầu Tư & Xây Dựng Viễn Thông Đồng Tháp	6%	0,3
	Tổng cộng	100%	5,0

5.1.2 Vốn điều lệ chỉ được sử dụng cho hoạt động kinh doanh như:

- a. Mua sắm tài sản cố định, máy móc trang thiết bị mở rộng quy mô hoạt động của Công ty;
- b. Phát triển kỹ thuật nghiệp vụ;
- c. Mua cổ phiếu, trái phiếu; góp vốn liên doanh và các loại chứng khoán khác;
- d. Các dự trữ cần thiết về động sản và bất động sản;
- e. Thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- f. Sử dụng cho các mục đích khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với pháp luật hiện hành.

Không sử dụng vốn điều lệ để chia lợi tức cổ phần cho cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác và phù hợp với qui định của pháp luật).

5.1.3 Việc tăng, giảm vốn điều lệ tùy theo yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông quyết định và phù hợp với các qui định của pháp luật.

- Trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể bổ sung hoặc tăng vốn điều lệ do tái đầu tư, cơ cấu vốn từ các nguồn tiền lời hay quỹ không chia hoặc gọi thêm vốn từ các cổ đông thông qua việc phát hành cổ phiếu mới;

- Khi phát hành thêm cổ phiếu mới sẽ ưu tiên bán cho cổ đông của Công ty theo tỷ lệ cổ phần hiện hữu trước khi bán ra ngoài, trừ khi có quyết định khác của Đại hội đồng cổ đông.

- Công ty có thể giảm vốn điều lệ trong trường hợp vốn của Công ty dư thừa hoặc khi Công ty bị thua lỗ thì mọi cổ đông phải chịu giảm giá trị cổ phiếu theo tỷ lệ giảm vốn sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 6: Cổ phần

6.1 Vốn điều lệ của Công ty được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **50.000** cổ phần, giá mỗi cổ phần là **100.000 đ** (Một trăm ngàn đồng Việt Nam).

6.2 Chứng chỉ cổ phiếu: là chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần; số tiền ghi trên cổ phiếu gọi là mệnh giá cổ phiếu; Công ty có một hoặc nhiều mệnh giá, mệnh giá tối thiểu của một cổ phiếu có giá trị bằng **100.000 đ** (Một trăm ngàn đồng Việt Nam).

6.2.1 Tất cả các cổ phiếu do Công ty phát hành đều là cổ phần phổ thông.

6.2.2 Cổ phiếu của Công ty được phát hành theo mẫu thống nhất của bộ Tài chính nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là chứng chỉ xác nhận quyền sở hữu số cổ phần của cổ đông.

6.2.3 Mọi cổ phiếu phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được đóng dấu Công ty.

6.2.3 Công ty cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Bưu điện Kiên Giang phát hành cổ phiếu dưới 2 hình thức:

a. Cổ phiếu ghi tên là cổ phiếu ghi nhận:

- + Cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị;
- + Cổ phần của thành viên cổ đông sáng lập.
- Mỗi cổ phiếu phải ghi rõ họ tên, địa chỉ pháp nhân hay cá nhân sở hữu, được đóng dấu của Công ty, ghi rõ số cổ phiếu, loại cổ phiếu và số tiền đóng góp;
- Việc chuyển nhượng cổ phiếu ghi tên phải tuân theo các quy định tại Điều 9 của bản Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật;
- Cổ phiếu của các cổ đông sáng lập sau 3 năm kể từ khi mua được chuyển thành cổ phiếu không ghi tên.

b. Cổ phiếu không ghi tên:

- Cổ phiếu phát hành cho các cổ đông không phải là các đối tượng quy định tại điểm (a) mục này;
- Cổ phiếu phát hành thêm khi Công ty cần tăng thêm vốn điều lệ; cổ phiếu phát hành thêm phải ghi đủ các nội dung theo quy định của Nhà nước và phải được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông;
- Cổ phiếu ghi tên đã được chuyển nhượng theo quy định tại Điều lệ này.

6.2.5 Trường hợp cổ phiếu bị mờ, rách, hư hỏng hay bị mất hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác, cổ đông phải báo ngay cho Công ty và có quyền yêu cầu Công ty cấp lại phiếu mới nếu trình đủ chứng cứ theo yêu cầu của Hội đồng quản trị và cổ đông sở hữu cổ phiếu đó phải chịu mọi phí tổn;

6.2.6 Phát hành cổ phiếu:

- Việc phát hành thêm cổ phiếu phải được Đại hội đồng cổ đông quyết định;
- Cổ phiếu phát hành thêm phải ghi đủ các nội dung theo quy định của Nhà nước và phải được đăng ký vào sổ cổ đông.

Điều 7: Cổ đông sáng lập

Các cổ đông sáng lập của Công ty là những cổ đông tham gia Đại hội đồng cổ đông thành lập, có vốn góp cổ phần chiếm ít nhất **06%** vốn điều lệ và cùng nhau giữ trên 50% vốn điều lệ của Công ty.

Điều 8: Sổ đăng ký cổ đông

8.1 Hình thức và nơi lưu giữ sổ đăng ký cổ đông: sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ dưới dạng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này;

8.2. Nội dung sổ đăng ký cổ đông:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- Tổng số cổ phần được quyền chào bán; loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- Họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy chứng minh nhân dân đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, số quyết định thành lập hoặc sổ đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;

- Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

Điều 9: Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

9.1 Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong sổ cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

- a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
- b. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;
- c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
- d. Các trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Hội đồng quản trị quyết định.

9.2 Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 8.2 điều 8 được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của công ty.

9.3 Các cổ phần được chuyển nhượng, thừa kế theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty; Cổ đông muốn mua, bán, chuyển nhượng cổ phần đăng ký tại trụ sở chính của Công ty.

9.4 Việc chuyển nhượng cổ phiếu ghi tên phải được chấp thuận của Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận được đơn của các cổ đông xin chuyển nhượng cổ phần, Hội đồng quản trị xem xét, xử lý việc chuyển nhượng.

Trường hợp không chấp thuận cho chuyển nhượng cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo rõ lý do bằng văn bản cho các cổ đông xin chuyển nhượng.

9.5 Cổ phiếu không ghi tên được tự do chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và của Điều lệ này.

- Trong vòng 15 ngày trước khi chia cổ tức và trong vòng 07 ngày trước khi họp Đại hội đồng cổ đông Công ty không chấp nhận chuyển nhượng cổ phần;

- Cổ đông của Công ty không được dùng cổ phiếu của mình vào việc thế chấp, cầm cố hay bảo lãnh trong bất cứ trường hợp nào;

9.6 Thủ tục và trình tự chào bán cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 10: Thừa kế cổ phần

10.1 Trường hợp cổ đông chết hoặc mất tích, Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã chết, mất tích:

- Người thừa kế duy nhất theo luật định;
- Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì họ phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục uỷ quyền có công chứng. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật.

10.2 Người có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, đăng ký làm sở hữu chủ các cổ phần được thừa kế, trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế.

Điều 11: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

11.1 Khi có sự thay đổi về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này thì cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

11.2 Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 điều này! với giá thị trường trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 12: Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định sau đây:

12.1 Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua không quá 10% tổng số cổ phần phổ thông được chào bán trong mỗi mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

12.2 Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 điều này.

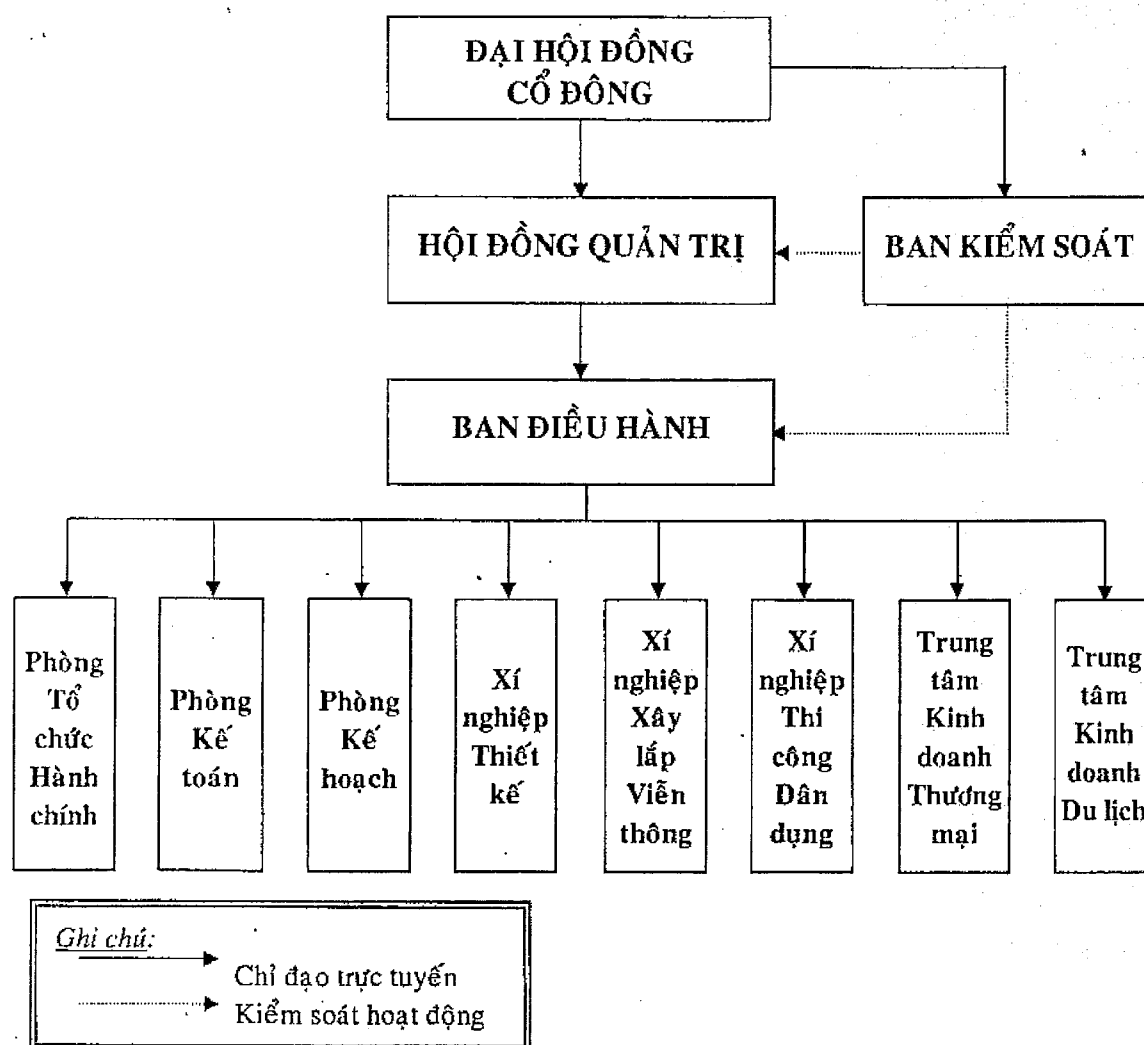
12.3 Công ty có thể mua lại cổ phần của cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty.

Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại hoặc thủ tục và thời hạn thanh toán, để cổ đông chào bán cổ phần của họ.

12.4 Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

CHƯƠNG IV
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 13: Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát.



CHƯƠNG V

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 14: Cổ đông

14.1 Cổ đông của Công ty là những pháp nhân hoặc thể nhân sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty.

14.2 Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại Công ty.

14.3 Người đại diện theo pháp luật của cổ đông tại Công ty:

a. Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là pháp nhân:

- Đối với Doanh nghiệp Nhà nước không có Hội đồng quản trị, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài là Giám đốc;

- Đối với doanh nghiệp Nhà nước có Hội đồng quản trị, Công ty trách nhiệm hữu hạn, Công ty cổ phần, doanh nghiệp liên doanh là chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc trưởng ban quản trị;

- Đối với các pháp nhân khác, người đại diện cổ đông tại Công ty là người đại diện hợp pháp của pháp nhân đó.

b. Người đại diện nêu tại các điểm trên đây có thể uỷ nhiệm cho người có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi thuộc pháp nhân đó trực tiếp quản lý phần vốn tại Công ty. Những người được uỷ quyền trực tiếp quản lý vốn của pháp nhân tại Công ty không được uỷ quyền cho người khác;

c. Cổ đông là cá nhân có thể uỷ quyền cho người khác có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi làm đại diện cho mình tại Công ty;

d. Việc uỷ quyền nêu trên phải thực hiện bằng văn bản. Cổ đông muốn thay đổi người đại diện hoặc người trực tiếp quản lý vốn phải có văn bản gửi Hội đồng quản trị của Công ty;

e. Các cổ đông có thể tự nhóm lại để cử một người đại diện. Trong trường hợp cử hoặc thay đổi người đại diện cho một nhóm cổ đông phải được sự chấp thuận của các cổ đông này bằng văn bản;

f. Trong trường hợp một cổ đông là pháp nhân mới được sáp nhập, hợp nhất từ cổ đông cũ hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của cổ đông cũ, thì cổ đông pháp nhân mới phải gửi cho Hội đồng quản trị các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sáp nhập, hợp nhất hoặc kế thừa để Hội đồng quản trị xử lý về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người đại diện theo pháp luật hiện hành. Trong trường hợp cổ đông pháp nhân giải thể thì cổ phần của cổ đông này phải được chuyển nhượng cho pháp nhân hoặc cá nhân khác.

Điều 15: Quyền lợi của cổ đông

15.1 Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

- b. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;
- d. Được mua, bán, chuyển nhượng, kế thừa cổ phần theo Điều lệ Công ty và phù hợp với pháp luật.

15.2 Cổ đông giữ cổ phần chi phối có quyền đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát để Đại hội đồng cổ đông bầu; đề cử chức danh Giám đốc để Hội đồng quản trị xem xét và bổ nhiệm.

15.3 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 06% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trong thời hạn liên tục ít nhất trong thời gian 6 tháng có quyền:

- a. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
- b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông khi:
 - Có dấu hiệu bất thường về hoạt động tài chính;
 - Có dấu hiệu thất bại trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Có dấu hiệu về tham nhũng, hoặc cố ý gây thiệt hại cho Công ty của Ban điều hành, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
- c. Xem và nhận bản sao hoặc trích lục danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý; điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết.

15.4 Được quyền phê bình, chất vấn, kiến nghị về công việc của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

15.5 Được thông tin thường xuyên, đột suất về tình hình hoạt động của Công ty; được quyền yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh có liên quan đến quyền lợi cổ đông (trừ những bí mật về hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: thủ thuật Marketing, cách lựa chọn đối tác, phương pháp tác nghiệp kinh doanh ...).

15.6 Được chia tài sản còn lại (nếu có) khi công ty giải thể hoặc phá sản theo tỷ lệ tương ứng với số vốn góp.

15.7 Được uỷ quyền bằng văn bản cho người khác tham dự Đại hội đồng cổ đông; người được uỷ quyền tham dự không được ứng cử với tư cách của chính mình.

Điều 16: Nghĩa vụ của cổ đông

16.1 Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.

16.2 Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

16.3 Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

16.4 Thực hiện các nghĩa vụ khác theo qui định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

16.5 Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của Công ty.

Điều 17: Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông thành lập;
- b. Đại hội đồng cổ đông thường niên;
- c. Đại hội đồng cổ đông bất thường.

Điều 18: Điều kiện để tiến hành Đại hội đồng cổ đông

18.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chỉ hợp lệ khi có số cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết.

18.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 18.1 điều này thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ hợp lệ khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

18.3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 18.2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai.

Trong trường hợp này, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

18.4 Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định của pháp luật.

Điều 19: Đại hội đồng cổ đông thành lập

19.1 Đại hội đồng cổ đông thành lập được triệu tập trên cơ sở nhất trí của các cổ đông sáng lập.

19.2 Đại hội đồng cổ đông thành lập có nhiệm vụ:

- a. Thảo luận và thông qua Điều lệ;
- b. Bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- c. Thông qua phương án sản xuất kinh doanh;
- d. Quyết định bộ máy tổ chức quản lý của Công ty;
- e. Quyết định mức thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thông qua chi phí thành lập Công ty.

Điều 20: Đại hội đồng cổ đông thường niên

20.1 Đại hội đồng cổ đông thường niên ít nhất mỗi năm họp một lần do Chủ tịch Hội

đồng quản trị triệu tập trong thời gian không quá 180 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

20.2 Đại hội đồng cổ đông thường niên được Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại Việt Nam, địa điểm cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định căn cứ vào tình hình thực tế. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền được quy định tại Điều 22 của bản Điều lệ này.

Điều 21: Đại hội đồng cổ đông bất thường

21.1 Lý do và điều kiện triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường, trường hợp phát sinh những vấn đề bất thường ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo yêu cầu của một hoặc một nhóm người sau:

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- b. Ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Trưởng ban kiểm soát;
- d. Nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên vốn Điều lệ của Công ty.

21.2 Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông bất thường:

- a. Xử lý các vấn đề bất thường;
- b. Bãi miễn và bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên vi phạm Điều lệ gây thiệt hại cho Công ty;
- c. Giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện;
- d. Biểu quyết, sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- e. Xử lý các vấn đề khẩn cấp khác.

Điều 22: Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

a. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo của Ban kiểm soát;

b. Thông qua hội nghị của Hội đồng quản trị về quyết toán năm tài chính; phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận, chia cổ tức trích lập, sử dụng các quỹ;

c. Quyết định phương hướng, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư của năm tài chính mới;

d. Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ, gọi vốn cổ phần và phát hành cổ phiếu; quyết định tổng số cổ phần được quyền chào bán; quyết định mua lại hơn 10% số cổ phần đã chào bán;

e. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;

f. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nếu hết nhiệm kỳ hoặc bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ này;

g. Ấn định mức thù lao và các quyền lợi của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

h. Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty (nếu cần);

i. Đại hội cổ đông có nhiệm vụ quyết định tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.

J. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Điều 23: Thẻ thức triệu tập và tiến hành các Đại hội đồng cổ đông

23.1 Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải được gửi bằng thư hoặc Fax cho các cổ đông hoặc đại diện cổ đông có đủ điều kiện tham dự Đại hội đồng cổ đông 7 ngày trước ngày khai mạc và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải kèm theo dự thảo chương trình nghị sự và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.

23.2 Những vấn đề được số cổ đông đại diện trên 06% vốn điều lệ đề nghị thì được đưa vào chương trình Đại hội đồng cổ đông. Các cổ đông có thể ủy quyền cho người khác thay mình tham dự Đại hội đồng cổ đông.

23.3 Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ kiểm tra xác nhận tư cách của cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội đồng cổ đông, lập danh sách hiện diện (ghi số cổ phần sở hữu, cổ phần đại diện).

23.4 Đại hội đồng cổ đông thành lập do đại diện vốn Nhà nước làm chủ toạ. Đại hội đồng cổ đông thường niên hay Đại hội đồng cổ đông bất thường do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt có thể ủy quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị làm chủ toạ.

23.5 Đại hội bầu Chủ tịch đoàn, thư ký đại hội và ban kiểm phiếu.

23.6 Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản, có chữ ký của chủ toạ, thư ký và hai kiểm phiếu viên (nếu có) sau phiên họp. Các trích lục biên bản phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ủy viên Hội đồng quản trị.

Điều 24: Việc ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

24.1 Cổ đông được ủy quyền cho đại diện thay thế mình tham dự Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền được biểu quyết, bầu cử Đại hội đồng cổ đông nhưng không được đề cử, ứng cử tại Đại hội đồng cổ đông với tư cách cá nhân mình; người được ủy quyền không nhất thiết là cổ đông của Công ty.

24.2 Việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản, người được ủy quyền phải trình cho Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông trước khi khai mạc Đại hội.

24.3 Trong trường hợp bên ủy quyền là pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải được thủ trưởng hoặc đại diện hợp pháp của pháp nhân đó ký, đóng dấu.

24.4 Việc ủy quyền chỉ được thực hiện một lần. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba.

24.5 Người ủy quyền có thể thu hồi sự ủy quyền bằng cách lập văn bản thông báo gửi Hội đồng quản trị trước ngày Đại hội đồng cổ đông được tiến hành.

Điều 25: Biên bản Đại hội đồng cổ đông

25.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của công ty. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

- c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Chủ tọa và thư ký;
- e. Tôm tắt các bài phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông;
- f. Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, số phiếu chấp thuận, số phiếu chống và số phiếu trắng, các quyết định đã được thông qua;
- g. Tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự; tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề;
- h. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

25.2 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được hoàn tất và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

25.3 Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Điều 26: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

26.1 Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có chữ ký của tất cả các cổ đông có quyền tham dự Đại hội.

26.2 Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi:

- a. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải công khai, trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín;
- b. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có giá trị khi được *ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành*;

26.3 Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có giá trị khi *được ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tán thành*:

26.4 Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông kể cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.

CHƯƠNG VI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27: Tổ chức Hội đồng quản trị

27.1 Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

27.2 Hội đồng quản trị *tối đa không quá 5 thành viên*, do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm, với đa số phiếu biểu quyết chấp thuận theo thể thức bỏ phiếu kín.

27.3 Hội đồng quản trị bầu và bãi nhiệm với đa số phiếu bằng thể thức bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết cử Chủ tịch Hội đồng quản trị.

27.4 Cơ quan thường trực của Hội đồng quản trị gồm Chủ tịch và một uỷ viên thường trực Hội đồng quản trị có nhiệm vụ giải quyết công việc hàng ngày.

Điều 28: Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị

28.1 Quyết định chiến lược phát triển của Công ty.

28.2 Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng số cổ phần được quyền chào bán.

28.3 Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.

28.4 Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty; định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng.

28.5 Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 12.1 Điều 12 của Điều lệ này.

28.6 Quyết định phương án đầu tư.

28.7 Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và thông qua các hợp đồng mua bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

28.8 Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý quan trọng khác của Công ty; quyết định mức lương và lợi ích khác của các cán bộ đó theo đề nghị của Giám đốc.

28.9 Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập, giải thể các đơn vị trực thuộc, chi nhánh, văn phòng đại diện; quyết định góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác.

28.10 Trình Đại hội đồng cổ đông: các báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh, quyết toán tài chính hàng năm.

28.11 Xây dựng phương án phân phối lợi nhuận, phương án trích lập và sử dụng quỹ của Công ty, mức cổ tức hàng năm để trình lại Hội đồng cổ đông quyết định

28.12 Lập chương trình Đại hội đồng cổ đông; duyệt nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập Đại hội đồng cổ đông, thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.

28.13 Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty, văn phòng đại diện, chi nhánh.

28.14 Thực hiện việc trích lập các quỹ thuộc thẩm quyền và cách thức sử dụng quỹ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

28.15 Chỉ đạo, hỗ trợ, giám sát công việc điều hành của Giám đốc và các chức danh do Hội đồng quản trị trực tiếp quản lý.

28.16 Kiến nghị bổ sung hoặc sửa đổi Điều lệ Công ty.

28.17 Quyết định khen thưởng, kỷ luật cán bộ thuộc quyền quản lý của Hội đồng quản trị và quyết định mức bồi thường vật chất khi họ gây thiệt hại cho Công ty;

28.18 Hội đồng quản trị có thể đình chỉ các quyết định của Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, Nghị quyết và các quy định của Hội đồng quản trị.

28.19 Chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật, Điều lệ, những sai phạm trong quản trị gây thiệt hại cho Công ty.

28.20 Xem xét và ủy quyền cho Giám đốc khởi kiện các vụ có liên quan đến quyền lợi và tài sản của Công ty.

28.21 Xem xét quyết định việc chuyển nhượng các cổ phiếu ghi tên.

28.22 Hội đồng quản trị không được trực tiếp hoặc gián tiếp:

- a. Cho bất cứ một cổ đông nào vay tiền thuộc vốn của Công ty;
- b. Bảo lãnh trên danh nghĩa Công ty hay cung cấp tài sản của Công ty cho việc thế chấp cho cổ đông vay tiền;
- c. Bảo lãnh trên danh nghĩa Công ty cho một công ty khác vay tiền;
- d. Cung cấp các thông tin không được phép phổ biến của công ty cũng như của khách hàng cho bất cứ kỳ ai.

Điều 29: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

29.1 Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
- b. Là cổ đông sáng lập hoặc người đại diện hợp pháp cho cổ đông sáng lập; cổ đông sở hữu hoặc đại diện cổ đông có số cổ phần từ 06% vốn điều lệ trở lên;
- c. Có trình độ, năng lực, kinh nghiệm kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp;
- d. Có sức khỏe, đạo đức, phẩm chất tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết pháp luật.

29.2 Thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức vụ quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 30: Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên

30.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị bầu theo thể thức quy định tại khoản 27.3, điều 27 Điều lệ này.

30.2 Chủ tịch hội đồng quản trị có thể kiêm Giám đốc Công ty.

30.3 Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nhiệm vụ sau:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của hội đồng quản trị;
- e. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;
- f. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thêm một phiếu bầu quyết định trong trường hợp số phiếu chống và số phiếu thuận bằng nhau.

30.4 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho ủy viên Hội đồng quản trị thay mặt đảm trách việc quản trị Công ty. Trong trường hợp không ủy quyền thì các thành viên khác của Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một trong số các thành viên để tạm thời giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị.

30.5 Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp thực thi nhiệm vụ đã được Hội đồng quản trị phân công, không ủy quyền cho người khác.

30.6 Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị như sau:

- a. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương án phát triển, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ;
- b. Được quyền yêu cầu cán bộ, chức danh trong Công ty cung cấp đầy đủ mọi tài liệu có liên quan đến hoạt động của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình;
- c. Tham dự phiên họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những hành vi của mình;
- d. Thực hiện Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị có liên quan đến từng thành viên theo sự phân công của Hội đồng quản trị.

Điều 31: Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị

31.1 Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

31.2 Mọi chi phí cho hoạt động của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí quản lý của Công ty.

Điều 32: Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

32.1 Nhiệm kỳ Hội đồng quản trị là 05 năm. Các thành viên hội đồng quản trị có thể được bầu lại tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.

32.2 Việc thay thế thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc kế thừa, đảm bảo trong Hội đồng quản trị có ít nhất 1/3 thành viên cũ.

32.3 Khi cần thiết Đại hội đồng cổ đông có thể bãi miễn và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 33: Hoạt động của Hội đồng quản trị

33.1 Hội đồng quản trị họp thường kỳ mỗi quý 01 lần; trường hợp đặc biệt khoảng cách giữa 02 kỳ họp cũng không được quá 05 tháng.

33.2 Trường hợp cần thiết Hội đồng quản trị có thể họp phiên bất thường theo yêu cầu của:

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- b. Giám đốc;
- c. Trưởng Ban kiểm soát;
- d. Ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản trị.

33.3 Cuộc họp Hội đồng quản trị họp lệ khi có từ 2/3 số thành viên trở lên tham dự.

33.4 Hội đồng quản trị thông qua Nghị quyết bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hay người được Chủ tịch hội đồng quản trị ủy quyền chủ tọa cuộc họp. Trường hợp Hội đồng quản trị họp, thông qua Nghị quyết bằng cách lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu liên quan đến các vấn đề.

33.5 Mọi quyết định, Nghị quyết của Hội đồng quản trị tại phiên họp hoặc kết quả lấy ý kiến bằng văn bản đều phải ghi vào biên bản. Biên bản hội nghị phải được thông qua bởi thành viên tham dự với đầy đủ chữ ký; kết quả phiếu biểu quyết phải được thông báo đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 34: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

34.1 Thành viên Hội đồng quản trị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại điều 29 của Điều lệ này;
- b. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Có đơn xin từ chức;
- d. Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân;
- e. Mất tư cách đại diện cho cổ đông pháp nhân;
- f. Công ty bị giải thể trước thời hạn theo các quy định của toà án.

34.2 Thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

- a. Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức hoặc cổ đông pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty thì phải có đơn, văn bản gửi đến Hội đồng quản trị Công ty.

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được đơn hoặc văn bản Hội đồng quản trị sẽ họp để xem xét quyết định;

- b. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị đương nhiệm bị mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị thì trong vòng 10 ngày Hội đồng quản trị phải họp bất thường để bầu người thay thế;

- c. Trường hợp khuyết 2/3 số thành viên Hội đồng quản trị thì phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 60 ngày để bầu bổ sung. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII: BAN KIỂM SOÁT

Điều 35: Tổ chức ban Kiểm soát

35.1 Là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

35.2 Ban kiểm soát có 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn với đa số phiếu bằng thẻ thức trực tiếp và bỏ phiếu kín. Các thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại.

35.3 Trưởng ban kiểm soát *phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp* do các thành viên Ban kiểm soát bầu hoặc bãi miễn với đa số tán thành bằng thẻ bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết; *làm việc theo chế độ kiêm nhiệm*.

35.4 Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát cổ cùng nhiệm kỳ với Hội đồng quản trị và kéo dài thêm 60 ngày để hoàn thành các công việc còn tồn đọng.

Điều 36: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát

36.1 Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
- b. Có trình độ đại học trở lên, am hiểu kỹ thuật nghiệp vụ sản xuất kinh doanh của Công ty; trong đó ít nhất phải có 01 thành viên Ban kiểm soát có chuyên môn về kế toán;
- c. Có sức khỏe, đạo đức, phẩm chất tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết pháp luật;
- d. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ nuôi, anh chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc người quản lý khác.

36.2 Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

Điều 37: Từ chức, từ nhiệm, mất tư cách và bổ sung thành viên ban Kiểm soát

37.1 Thành viên Ban kiểm soát muốn từ nhiệm phải làm đơn gửi Hội đồng quản trị.

37.2 Kiểm soát viên mất tư cách khi vi phạm một trong các trường hợp như đối với thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ này.

37.3 Trường hợp khuyết thành viên ban Kiểm soát thì Đại hội đồng cổ đông gần nhất bổ sung; trường hợp khuyết Kiểm soát viên có nghiệp vụ tài chính kế toán, Hội đồng quản trị phải tạm thời cử người thay thế cho đến khi triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung.

Điều 38: Quyền hạn và nhiệm vụ của ban Kiểm soát

38.1 Ban Kiểm soát có quyền hạn và nhiệm vụ sau:

38.1.1 Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

38.1.2 Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty.

38.1.3 Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của hội đồng quản trị. Trình báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

38.3.4 Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, hoặc theo yêu cầu của cổ đông, hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 15.3 điều 15 của bản Điều lệ này.

38.1.5 Khi nhận được yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 15.3 điều 15 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

38.1.6 Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông có biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

38.1.7 Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của Hội đồng quản trị thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

38.1.8 Được yêu cầu các phòng ban nghiệp vụ của Công ty cung cấp tình hình, số liệu tài liệu và thuyết minh các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

38.2 Trưởng ban kiểm soát có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị họp phiên bất thường hoặc yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

38.3 Thành viên Ban kiểm soát được hưởng thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Chi phí cho hoạt động của Ban kiểm soát được hạch toán vào chi phí quản lý của Công ty.

CHƯƠNG VIII

GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ TRONG CÔNG TY

Điều 39: Giám đốc

39.1 Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm, không nhất thiết là cổ đông và có thể là thành viên Hội đồng quản trị. Đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

39.2 Giám đốc là người quản lý điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Trong trường hợp Giám đốc là người do Hội đồng quản trị thuê ngoài Công ty thì Giám đốc còn phải thực hiện những điều cam kết trong hợp đồng đã ký giữa Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty.

39.3 Giúp việc Giám đốc có các Phó giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc.

Điều 40: Tiêu chuẩn lựa chọn Giám đốc

Giám đốc Công ty phải là người có đủ các điều kiện sau:

40.1 Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý kinh doanh.

40.2 Có trình độ đại học trở lên thuộc các ngành kinh tế, quản trị trị kinh doanh hay kỹ thuật có liên quan trong ngành nghề kinh doanh của Công ty, có đủ kiến thức và kinh nghiệm quản lý Công ty, hiểu biết pháp luật.

40.3 Không được đồng thời giữ bất cứ chức vụ quản trị, kiểm soát, điều hành nào tại Công ty khác, trừ trường hợp đó là Công ty trực thuộc.

Điều 41: Quyền hạn và trách nhiệm của Giám đốc

41.1 Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị.

41.2 Điều hành và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật.

41.3 Xây dựng và trình Hội đồng quản trị kế hoạch dài hạn và kế hoạch hàng năm.

41.4 Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế làm việc của bộ máy quản lý.

41.5 Quyết định tuyển dụng, thuê mướn, bố trí, sử dụng lao động.

41.6 Quyết định giá mua nguyên liệu, giá dịch vụ do Công ty cung cấp (trừ những dịch vụ do Nhà nước quy định).

41.7 Quyết định các biện pháp tuyên truyền, quảng cáo, tiếp thị, khuyến mãi khách hàng, các biện pháp khuyến khích mở rộng sản xuất.

41.8 Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó giám đốc, Kế toán trưởng.

41.9 Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Trưởng các đơn vị trực thuộc, Trưởng các phòng ban, Ban quản lý sau khi có ý kiến thoả thuận của Hội đồng quản trị.

41.10 Quyết định mức lương và các phụ cấp (nếu có) cho cán bộ, công nhân không thuộc các chức danh do Hội đồng quản trị quản lý.

41.11 Quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, nhân viên dưới quyền.

41.12 Ký kết các hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty trừ những trường hợp sau:

a. Cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ; với người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ.
Với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty;

Với Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban Kiểm soát, Giám đốc, với Công ty mà cá nhân trên có vốn góp trên 35%;

Phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

b. Các hợp đồng có giá trị từ bằng 50% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký. Giám đốc Công ty thông báo nội dung của các hợp đồng cần phải có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, thời gian xem xét quyết định của Hội đồng quản trị không quá 7 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Giám đốc Công ty.

41.13 Báo cáo trước Hội đồng quản trị tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

41.14 Đại diện Công ty trong việc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi của Công ty khi được Hội đồng quản trị uỷ quyền bằng văn bản.

41.15 Từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch hay các thành viên Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ và trái Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

thời phải có trách nhiệm báo cáo ngay cho Ban kiểm soát.

41.16 Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như: thiên tai, dịch họa, hoả hoạn, sự cố ... và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị.

41.17 Các quyền và nghĩa vụ khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

41.18 Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và pháp luật và những sai phạm gây tổn thất cho Công ty.

Điều 42: Ủy quyền, ủy nhiệm

42.1 Giám đốc có thể ủy quyền, ủy nhiệm cho Phó giám đốc hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc ủy nhiệm của mình.

42.2 Người được ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Giám đốc và trước pháp luật về những công việc của mình làm.

42.3 Mọi sự ủy quyền, ủy nhiệm có liên quan tới con dấu của Công ty đều phải thể hiện bằng văn bản.

42.4 Các Trưởng phòng ban trong Công ty có thể ủy quyền, ủy nhiệm cho các nhân viên cấp dưới của mình.

Điều 43: Từ nhiệm, đương nhiên mất tư cách

43.1 Khi Giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải xem xét và quyết định.

43.2 Giám đốc đương nhiên mất tư cách khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- a. Chết, mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- b. Tự ý bỏ nhiệm sở trong vòng 05 ngày làm việc liên tục mà không có lý do chính đáng và không ủy quyền bằng văn bản cho Phó Giám đốc thực hiện chức năng quyền hạn của mình;
- c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

43.3 Trường hợp Giám đốc bị mất tư cách, Hội đồng quản trị phải tạm cử một người thay thế. Trong thời hạn tối đa 30 ngày Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục bổ nhiệm Giám đốc mới.

Điều 44: Cán bộ quản lý

44.1 Theo đề nghị của Giám đốc, Hội đồng quản trị sẽ phê duyệt số lượng cán bộ quản lý phù hợp với qui mô của Công ty.

44.2 Mức lương, tiền thù lao và các lợi ích của Giám đốc, Phó giám đốc, kế toán trưởng do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 45: Quyền lợi của người lao động trong Công ty

46.1 Người lao động trong Công ty được hưởng những quyền và lợi ích hợp pháp theo qui định của pháp luật và của Công ty.

46.2 Giám đốc sẽ căn cứ vào qui định của pháp luật hiện hành và điều kiện của Công ty để xây dựng trình Hội đồng quản trị thông qua về các vấn đề liên quan đến tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người quản lý và những người lao động trong Công ty.

Điều 46: Tổ chức Đảng, Đoàn thể trong Công ty

45.1 Tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Đảng CSVN, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

45.1 Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và Điều lệ của mình.

CHƯƠNG IX

PHÂN CHIA LỢI NHUẬN, TRÍCH LẬP CÁC QUỸ

Điều 47: Phân chia lợi nhuận và trích lập quỹ

47.1 Lợi nhuận của Công ty sau khi nộp thuế cho Nhà nước theo qui định sẽ dùng để trích lập các quỹ và chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

47.2 Công ty trích lập các quỹ sau:

a. Các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế:

- Quỹ dự phòng tài chính trích 5% lợi nhuận sau thuế, Quỹ này trích đến khi bằng 20% vốn điều lệ Công ty.

- Quỹ đầu tư phát triển.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi.

b. Các quỹ không hình thành từ lợi nhuận:

- Quỹ khấu hao tài sản cố định.

- Quỹ bảo hành sản phẩm.

- Các quỹ khác.

47.3 Mức trích lập các quỹ và mức chi trả cổ tức do Hội đồng quản trị đề xuất và phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận phù hợp với qui định hiện hành của pháp luật.

Điều 48: Cổ tức

48.1 Công ty được chi trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo qui định của pháp luật và ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trả.

48.2 Cổ tức có thể thanh toán bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản có giá trị khác; cổ tức có thể thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng.

48.2 Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chia cổ tức hàng năm. Hội đồng quản trị có thể thông báo mức cổ tức tạm chia hoặc tạm ứng cổ tức theo từng thời hạn quý hoặc 6 tháng.

48.3 Mỗi lần chia cổ tức Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định số cổ tức được chia đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức chia cổ tức. Thông

báo về chia cổ tức phải được gửi đến tất cả các cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện chia cổ tức. Thông báo phải ghi rõ họ tên, địa chỉ của cổ đông, số cổ phần của từng loại cổ đông, mức cổ tức của từng cổ phần, tổng số cổ tức mà cổ đông được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức.

48.4 Danh sách cổ đông có quyền nhận cổ tức được lập trên cơ sở đăng ký cổ đông của Công ty; danh sách này phải được lập xong ít nhất 15 ngày trước khi thực hiện chia cổ tức.

Điều 49: Xử lý kinh doanh khi thua lỗ

Trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giải quyết kịp thời theo các giải pháp:

49.1 Trích từ quỹ dự phòng tài chính để bù lỗ.

49.2 Chuyển một phần lỗ sang năm sau, đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp để khắc phục.

CHƯƠNG X CON DẤU, TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 50: Con dấu

Con dấu của Công ty được khắc theo mẫu quy định thống nhất của pháp luật và đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trước khi sử dụng.

Hội đồng quản trị giao Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 51: Tài khoản ngân hàng

Công ty mở tài khoản ngân hàng tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam.

Điều 52: Năm tài chính

52.1 Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào 31 tháng 12 hàng năm.

52.2 Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty đã hoàn tất thủ tục đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Điều 53: Hệ thống kế toán và báo cáo tài chính Công ty

53.1 Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Bộ Tài Chính chấp thuận.

53.2 Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

53.3 Công ty sử dụng đồng Việt Nam là đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

53.4 Các chế độ báo cáo tài chính: Cuối mỗi niên khoá, Hội đồng quản trị xem xét thông qua quyết toán để trình Đại hội đồng cổ đông các báo cáo tài chính sau:

- Bản cân đối kế toán của Công ty;
- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh;
- Thuyết minh báo cáo tài chính;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Báo cáo tổng hợp kiểm kê tài sản cuối niên độ.

Các bản báo cáo này phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên ít nhất trước 15 ngày của kỳ Đại hội thường niên.

Sau Đại hội đồng cổ đông các báo cáo tài chính nêu trên cùng với báo cáo của ban kiểm soát, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại văn phòng Công ty theo luật định.

CHƯƠNG XI

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, THANH LÝ, TỔ TỤNG VÀ TRANH CHẤP

Điều 54: Chấm dứt hoạt động

54.1 Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:

- a. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo qui định của pháp luật hiện hành;
- c. Các trường hợp khác do pháp luật qui định.

54.2 Thủ tục giải thể hay phá sản Công ty được tiến hành theo qui định của pháp luật.

Điều 55: Thanh lý

55.1 Trong vòng 03 ngày kể từ ngày có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị sẽ triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu Ban thanh lý gồm 05 thành viên để làm nhiệm vụ thanh lý Công ty theo đúng qui định của pháp luật. Các thành viên Ban thanh lý có thể lựa chọn từ Công ty hoặc thuê chuyên gia (nếu cần).

55.2 Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo với cơ quan đăng ký kinh doanh về việc được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước tòa án và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

55.3 Tiền thu được từ thanh lý Công ty sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho người lao động Công ty;
- c. Thuế và các khoản chi phí có tính chất thuế mà Công ty phải nộp;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Công ty;
- F. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán các khoản mục từ a đến e nêu trên được chia cho các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần nắm giữ.

Điều 56: Tổ tụng và tranh chấp

56.1 Công ty có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân và thể nhân khi có tổ tụng tranh chấp.

56.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện Công ty trước pháp luật và được ủy quyền cho Giám đốc trong mọi giai đoạn tranh tụng.

56.3 Mọi cổ đông có quyền khiếu nại đòi quyền chính đáng của mình và đòi bồi thường thiệt hại do lỗi của bất cứ cá nhân nào trong Công ty gây ra. Trong thời hạn 60 ngày, nếu Hội đồng quản trị không giải quyết khiếu nại thì các cổ đông có thể cứ các đại diện đứng đơn khiếu nại trước cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

CHƯƠNG XII

SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 57: Sửa đổi, bổ sung điều lệ

57.1 Mọi sự bổ sung hay sửa đổi bản Điều lệ phải được lập dưới hình thức một dự thảo để Đại hội đồng cổ đông thông qua với ít nhất 65% quyền biểu quyết của các cổ đông có mặt trực tiếp hay qua đại diện.

57.2 Các nội dung khác không quy định trong bản Điều lệ này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 58: Hiệu lực thi hành

58.1 Bản Điều lệ này gồm 12 chương 58 điều, được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Xây Lắp và Dịch Vụ Bưu Điện Kiên Giang nhất trí thông qua ngày 02 tháng 02 năm 2007, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 họp ngày 06/04/2013, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 họp ngày 22/4/2016 thống nhất ban hành nghị quyết sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty.

58.2 Điều lệ được lập thành 05 bản có giá trị như nhau, trong đó:

- a. 01 bản nộp tại phòng Đăng ký kinh doanh sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh Kiên Giang;
- b. 04 bản lưu giữ tại văn phòng Công ty.

58.3 Các bản trích hay bản sao phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị mới có giá trị.

58.4 Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

58.5 Bản Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được đăng ký với phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh Kiên Giang sau khi đã đại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2016

CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Văn Lang